

THÔNG BÁO TUYỂN SINH
Đại học, trung cấp và Văn bằng 2 hệ chính quy tuyển mới năm 2024

I. QUY ĐỊNH VỀ PHÂN VÙNG TUYỂN SINH

1. Tuyển sinh đại học chính quy tuyển mới

- Học viện Chính trị CAND, Trường Đại học PCCC, Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND, Học viện Quốc tế; ngành An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao của Học viện ANND; ngành Công nghệ thông tin (*hợp tác đào tạo với Đại học Bách khoa Hà Nội*) của Học viện ANND; ngành Y khoa gửi đào tạo Học viện Quân y: Toàn quốc.

- Học viện CSND, các ngành còn lại của Học viện ANND: Phía Bắc.

- Trường Đại học ANND, Trường Đại học CSND: Phía Nam.

2. Tuyển sinh trung cấp chính quy tuyển mới

- Trường Cao đẳng ANND I: Tuyển sinh địa bàn toàn quốc.

- Trường Cao đẳng CSND I: Phía Bắc.

- Trường Cao đẳng CSND II: Phía Nam.

3. Tuyển sinh đào tạo trình độ đại học đối với công dân có bằng tốt nghiệp đại học trở lên (*Văn bằng 2 tuyển mới*)

- Trường Đại học PCCC, Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND, ngành An ninh mạng và phòng chống tội phạm công nghệ cao của Học viện ANND: Tuyển sinh địa bàn cả nước.

- Học viện CSND và các ngành còn lại của Học viện ANND: Phía Bắc.

- Trường Đại học ANND, Trường Đại học CSND: Phía Nam.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Đối tượng tuyển sinh

1.1. Tuyển sinh đại học và trung cấp CAND tuyển mới: Chiến sĩ nghĩa vụ CAND tại ngũ; công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND có quyết định xuất ngũ trong thời hạn 12 tháng tính đến tháng dự tuyển; công dân thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

1.2. Tuyển sinh Văn bằng 2 tuyển mới: Chiến sĩ nghĩa vụ CAND tại ngũ, công dân thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tốt nghiệp đại học hình thức chính quy.

2. Phương thức tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh

2.1. Tuyển sinh đại học chính quy tuyển mới

- Phương thức 1: Tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT, quy định của Bộ Công an.
- Phương thức 2: Xét tuyển kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế với kết quả học tập THPT.
- Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả bài thi đánh giá Bộ Công an.

* **Chỉ tiêu tuyển sinh:** Có Phụ lục kèm theo.

2.2. Tuyển sinh trung cấp chính quy tuyển mới

- Phương thức 1: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Công an.
- Phương thức 2: Xét tuyển kết quả thi THPT và điểm trung bình cộng kết quả học tập 3 năm THPT lớp 10, 11, 12 (áp dụng đối với chiến sĩ nghĩa vụ tại ngũ); xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả bài thi đánh giá năng lực Bộ Công an (đối với học sinh phổ thông và chiến sĩ nghĩa vụ xuất ngũ).

* **Chỉ tiêu tuyển sinh:** Có Phụ lục kèm theo.

2.3. Tuyển sinh Văn bằng 2 chính quy tuyển mới

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Công an.
- Phương thức 2: Thi tuyển tại các trường Đại học CAND.

* **Chỉ tiêu tuyển sinh:** Có Phụ lục kèm theo.

4. Sơ tuyển

4.1. Đăng ký sơ tuyển

- Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ đăng ký dự tuyển tại đơn vị công tác.
- Học sinh phổ thông, chiến sĩ nghĩa vụ xuất ngũ đăng ký sơ tuyển tại Công an cấp huyện nơi đăng ký thường trú.

4.2. Thủ tục đăng ký sơ tuyển

- **Tuyển sinh đại học, trung cấp chính quy tuyển mới:** Người đăng ký sơ tuyển phải trực tiếp đến đăng ký và mang theo bản chính hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính học bạ, giấy khai sinh kèm theo CMND/CCCD. Đối với công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND hoặc nghĩa vụ quân sự mang thêm quyết định xuất ngũ.

- **Tuyển sinh Văn bằng 2 chính quy tuyển mới:** Người đăng ký sơ tuyển phải trực tiếp đến đăng ký và mang theo bản chính hoặc bản sao công chứng các loại giấy tờ: CMND/CCCD; giấy khai sinh, bằng tốt nghiệp THPT; bằng tốt nghiệp đại học cùng bằng điểm.

- Thời gian đăng ký: **Đến hết ngày 15/4/2024.**

Thông tin chi tiết liên hệ đồng chí Lữ Thanh Tùng - Phòng Tổ chức cán bộ, Công an tỉnh Quảng Ngãi: 0967.688.339 để được hướng dẫn./.

PHỤ LỤC

Tên trường, ký hiệu trường, mã ngành, chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học Công an nhân dân chính quy tuyển mới

TT	Tên trường/ngành đào tạo /Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Ký hiệu ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo Phương thức 1		Chỉ tiêu theo hương thức 2		Chỉ tiêu theo hương thức 3		Tổ hợp xét tuyển theo Phương thức 3	Mã bài thi đánh giá của Bộ Công an sử dụng để xét tuyển
					Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ		
1	Học viện An ninh nhân dân	ANH		510								
1.1	Nhóm ngành nghiệp vụ An ninh		7860100	290							A00, A01, C03, D01	CA1, CA2
	- Vùng 1			110	10	1	10	1	79	9		
	- Vùng 2			105	9	1	9	1	77	8		
	- Vùng 3			60	5	1	5	1	44	4		
	- Vùng 8			15	1		1		11	2		
1.2	Ngành An ninh mạng và phòng, chống tội phạm công nghệ cao (20 chỉ tiêu gửi đào tạo nước ngoài ngành CNTT)		7860114	120							A00, A01	CA1
	- Phía Bắc			60	5	1	5	1	44	4		
	- Phía Nam			60	5	1	5	1	44	4		
1.3	Y khoa (gửi đào tạo tại Học viện Quân y)		7720101	50	1	1	1		43	4	A00, B00	CA1
1.4	Ngành Công nghệ thông tin (hợp tác với Trường Đại học công nghệ thông tin và truyền thông, Đại học Bách khoa Hà Nội)		7480201	50	1		1		48		A00, A01	CA1
2	Học viện Cảnh sát nhân dân	CSH										
2.1	Nhóm ngành nghiệp vụ Cảnh sát		7860100	530							A00, A01, C03, D01	CA1, CA2
	- Vùng 1			210	18	2	18	2	153	17		
	- Vùng 2			200	18	2	18	2	144	16		

TT	Tên trường/ngành đào tạo /Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Ký hiệu ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo Phương thức 1		Chỉ tiêu theo hương thức 2		Chỉ tiêu theo hương thức 3		Tổ hợp xét tuyển theo Phương thức 3	Mã bài thi đánh giá của Bộ Công an sử dụng để xét tuyển
					Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ		
	- Vùng 3			100	9	1	9	1	72	8		
	- Vùng 8			20	1		1		16	2		
3	Học viện Chính trị CAND	HCA										
3.1	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước		7310202	100							A01, C00, C03, D01	CA1, CA2
	- Phía Bắc			50	4	1	4	1	37	3		
	- Phía Nam			50	4	1	4	1	37	3		
4	Trường Đại học An ninh nhân dân	ANS										
4.1	Nhóm ngành nghiệp vụ An ninh		7860100	260							A00, A01, C03, D01	CA1, CA2
	- Vùng 4			50	5	1	5	1	35	3		
	- Vùng 5			40	4	1	4	1	28	2		
	- Vùng 6			80	7	1	7	1	58	6		
	- Vùng 7			75	7	1	7	1	54	5		
	- Vùng 8			15	1		1		11	2		
5	Trường Đại học Cảnh sát nhân dân	CSS										
5.1	Nhóm ngành nghiệp vụ Cảnh sát		7860100	420							A00, A01, C03, D01	CA1, CA2
	- Vùng 4			80	7	1	7	1	58	6		
	- Vùng 5			50	5	1	5	1	35	3		
	- Vùng 6			140	12	1	12	1	102	12		
	- Vùng 7			130	12	1	12	1	93	11		
	- Vùng 8			20	2		2		14	2		

TT	Tên trường/ngành đào tạo /Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Ký hiệu ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo Phương thức 1		Chỉ tiêu theo hương thức 2		Chỉ tiêu theo hương thức 3		Tổ hợp xét tuyển theo Phương thức 3	Mã bài thi đánh giá của Bộ Công an sử dụng để xét tuyển
					Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ		
6	Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy										A00	CA1
6.1	<i>Nhóm ngành PCCC và CNCH</i>		7860113	140								
	- <i>Phía Bắc</i>	PCH		70	6	1	6	1	51	5		
	- <i>Phía Nam</i>	PCS		70	6	1	6	1	51	5		
7	Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND										A00, A01, D01	CA1
7.1	<i>Nhóm ngành Kỹ thuật - Hậu cần</i>		7480200	140								
	- <i>Phía Bắc</i>	HCB		70	6	1	6	1	51	5		
	- <i>Phía Nam</i>	HCN		70	6	1	6	1	51	5		
8	Học viện Quốc tế	AIS		50								
8.1	- <i>Ngôn ngữ Anh</i>		7220201	30	1	1	1	1	13	13	A01, D01	CA1, CA2
8.2	- <i>Ngôn ngữ Trung quốc</i>		7220204	20	1	1	1	1	8	8	D01, D04	CA1, CA2

*** Ghi chú:**

- Vùng 4: Các tỉnh Nam Trung Bộ: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Ninh Thuận.
- Ký hiệu mã bài thi đánh giá của Bộ Công an

TT	Mã bài thi	Phần Trắc nghiệm	Phần Tự luận
1	CA1	Lĩnh vực tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ Anh	Toán
2	CA2	Lĩnh vực tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ Anh	Ngữ văn

PHỤ LỤC

Danh mục tên trường, ký hiệu trường, chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp Công an nhân dân chính quy tuyển mới

TT	Tên trường/ngành đào tạo /Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu tuyển thẳng		Chỉ tiêu xét tuyển		Tổ hợp xét tuyển	Mã bài thi đánh giá BCA sử dụng để xét tuyển
				Nam	Nữ	Nam	Nữ		
1	Xét tuyển HSPT, công dân thường trú trên địa bàn								
1.1	Trường Cao đẳng ANND I		100					A00, A01, B00, C03, D01, C00, D04	CA1, CA2
	- Phía Bắc	AN1	50	5	1	40	4		
	- Phía Nam	AN2	50	5	1	40	4		
1.2	Trường Cao đẳng CSND I		100						
	- Phía Bắc	CH1	100	10	2	80	8		
1.3	Trường Cao đẳng CSND II		100						
	- Phía Nam	CS2	100	10	2	80	8		
2	Xét tuyển CSNV tại ngũ và học sinh Trường Văn hóa								
2.1	Trường Cao đẳng ANND I		70					A00, A01, B00, C03, D01, C00, D04	
	- Phía Bắc	ANB	35	3	1	28	3		
	- Phía Nam	ANN	35	3	1	28	3		
2.2	Trường Cao đẳng CSND I		100						
	- Phía Bắc	CHB	100	10	2	80	8		
2.3	Trường Cao đẳng CSND II		100						
	- Phía Nam	CSB	100	10	2	80	8		

PHỤ LỤC

Danh mục tên trường, ký hiệu trường, chỉ tiêu tuyển sinh trình độ Văn bằng 2 chính quy tuyển mới

1. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Học viện, trường	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổng chỉ tiêu	Phương thức 1		Phương thức 2	
					Nam	Nữ	Nam	Nữ
1	Học viện ANND	ANH	7860100	70	19	2	44	5
			7480202	30	8	1	19	2
2	Học viện CSND	CSH	7860100	100	27	3	63	7
3	Đại học ANND	ANS	7860100	50	13	2	32	3
4	Đại học CSND	CSS	7860100	80	22	2	50	6
5	Đại học PCCC	PCH	7860113	50	13	2	32	3
6	Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND	HCB	7480200	50	13	2	32	3

2. Ngành, chuyên ngành được đăng ký dự tuyển

TT	Đăng ký dự tuyển	Mã lĩnh vực	Tên lĩnh vực, nhóm ngành đào tạo
1	Dự tuyển ngành An toàn thông tin tại Học viện ANND	748	Máy tính và công nghệ thông tin
2	Dự tuyển ngành Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại Đại học PCCC	738	Pháp luật
		742	Khoa học sự sống
		744	Khoa học tự nhiên
		746	Toán và thống kê
		748	Máy tính và công nghệ thông tin
		751	Công nghệ kỹ thuật
		752	Kỹ thuật
		758	Kiến trúc và xây dựng
		772	Sức khỏe
785	Môi trường và bảo vệ môi trường		
3	Dự tuyển đào tạo tại Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND	748	Máy tính và công nghệ thông tin
		751	Công nghệ kỹ thuật
		752	Kỹ thuật
		738	Pháp luật
		742	Khoa học sự sống

TT	Đăng ký dự tuyển	Mã lĩnh vực	Tên lĩnh vực, nhóm ngành đào tạo
		734	Kinh doanh và quản lý
		758	Kiến trúc và xây dựng
		772	Sức khỏe về lĩnh vực y - dược
		776	Dịch vụ xã hội
4	Dự tuyển ngành nghiệp vụ An ninh, nghiệp vụ Cảnh sát tại Học viện ANND, Học viện CSND, Đại học ANND, Đại học CSND	Không quy định mã lĩnh vực, nhóm ngành đào tạo	

* Mã danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của BGD&ĐT.